

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số **391** /KH-UBND

Hải Phòng, ngày **05** tháng **10** năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án cụ thể hóa mô hình “Cơ sở kinh doanh dịch vụ thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch”

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về xây dựng và triển khai thực hiện một số mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo; Đề án số 04-ĐA/TU ngày 14/01/2026 về việc xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 29/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy; Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 11/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án cụ thể hóa mô hình “Cơ sở kinh doanh dịch vụ thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch” (sau đây gọi là Đề án).

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cụ thể hóa mô hình “Cơ sở kinh doanh dịch vụ thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần tại các điểm du lịch” góp phần thực hiện thành công Đề án số 04-ĐA/TU của Thành ủy Hải Phòng; Kế hoạch số 99-KH/TU ngày 29/8/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về triển khai thực hiện một số mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo; Chương trình hành động số 01/CTr-UBND ngày 11/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Xác định nội dung, nhiệm vụ cụ thể, giải pháp thực hiện gắn với chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án trên tinh thần 6 rõ: “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả”.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện Đề án Xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn với con người Xã hội chủ nghĩa tại thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 và những năm tiếp theo.

b) Phân công nhiệm vụ và có lộ trình cụ thể cho các Sở, ban, ngành, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, các cơ sở giáo dục có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường sự phối hợp, đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng mô hình kinh doanh thân thiện với môi trường, cung cấp các dịch vụ du lịch (Cơ sở kinh doanh dịch vụ đồ uống; Cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Cơ sở lưu trú du lịch, trong đó bao gồm cả tàu thủy lưu trú du lịch và Cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm) không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất thải nhựa phát sinh tại các điểm du lịch trên địa bàn thành phố, tạo bước chuyển biến căn bản trong quản lý, bảo vệ cảnh quan sinh thái và thúc đẩy phát triển du lịch bền vững cho thành phố Hải Phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026-2027: xây dựng và vận hành thí điểm 04 mô hình tại 08 cơ sở dịch vụ du lịch tại đảo Cát Bà thuộc Đặc khu Cát Hải và phường Đồ Sơn; giảm 50% tổng khối lượng chất thải nhựa dùng một lần phát sinh tại các cơ sở so với số liệu nền ban đầu; mỗi cơ sở lựa chọn tối thiểu 4 loại sản phẩm nhựa dùng một lần trong danh mục ưu tiên loại bỏ/thay thế và phấn đấu giảm 100% đối với các sản phẩm có phương án loại bỏ hoặc thay thế đáp ứng yêu cầu an toàn, vệ sinh, chất lượng dịch vụ và tính khả thi kinh tế - kỹ thuật.

b) Giai đoạn 2028-2030: tổ chức đánh giá, hoàn thiện mô hình thí điểm và triển khai nhân rộng phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2030: 100% các điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần:

- Xây dựng hình ảnh Hải Phòng là điểm đến du lịch xanh, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững;

- Giảm tải gánh nặng xử lý chất thải nhựa tại thành phố, góp phần bảo vệ hệ sinh thái ven biển và tài nguyên thiên nhiên;

- Tạo ra trải nghiệm du lịch xanh, an toàn và thân thiện với môi trường cho du khách và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân và du khách về tiêu dùng bền vững;

- Có khả năng hỗ trợ phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ xanh và việc làm liên quan tại địa phương.

3. Mục tiêu sau năm 2030

Tiếp tục duy trì các mục tiêu của Đề án, từng bước đưa các nội dung của Đề án trở thành nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong hoạt động quản lý nhà nước và đời sống xã hội; hình thành thói quen tiêu dùng xanh của người dân và du khách đến Hải Phòng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 1: Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình cơ sở kinh doanh thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần

1.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 10 năm 2026 đến tháng 12 năm 2027.

1.2. Nhiệm vụ:

- Triển khai thí điểm các mô hình.
- Tuyên truyền về các mô hình du lịch xanh không rác thải nhựa.
- Đánh giá kết quả thực hiện mô hình và đề xuất nhân rộng.

2. Giai đoạn 2: Hoàn thiện mô hình thí điểm, truyền thông, phổ biến và nhân rộng mô hình kinh doanh thân thiện với môi trường, không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần

2.1. Thời gian thực hiện: từ tháng 01 năm 2028 đến tháng 12 năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ:

- Từ kết quả mô hình thí điểm, hoàn thiện các tiêu chí, chỉ tiêu của mô hình thí điểm, từ đó đề xuất cơ chế chính sách và giải pháp truyền thông để nhân rộng mô hình.

- Đánh giá kết quả triển khai nhân rộng và tổng kết Đề án.

(Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch dự kiến là 3.302.000.000 đồng *(Ba tỷ ba trăm linh hai triệu đồng)*. Nguồn vốn từ nguồn ngân sách giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Quyết định số 3593/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách và đầu tư công; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch)

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này chủ động lập dự trù kinh phí thực hiện hàng năm,

phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định tại Kế hoạch này.

b) Chủ trì rà soát, đề xuất các cơ chế, chính sách về giảm thiểu chất thải nhựa trong hoạt động du lịch trên địa bàn thành phố; hướng dẫn các xã, phường, đặc khu tổ chức thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và chính quyền địa phương khảo sát, lựa chọn các cơ sở tham gia thí điểm, tổ chức đánh giá mô hình thí điểm; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện, tổ chức công nhận “Cơ sở Xanh - Không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần”.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí để nhân rộng mô hình theo mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2030.

đ) Chủ trì tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất điều chỉnh giải pháp, cơ chế nhân rộng mô hình và tổng hợp báo cáo.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch triển khai thực hiện, dự toán kinh phí do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp của các cơ quan, đơn vị, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Thực hiện cấp kinh phí và tổng hợp quyết toán theo quy định.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kết nối các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch với các nhà sản xuất, phân phối sản phẩm thân thiện với môi trường (bao bì sinh học, vật liệu thay thế nhựa dùng một lần) trên địa bàn thành phố.

b) Chủ động kiểm soát thị trường hàng hóa; khuyến khích các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ truyền thống tại khu vực du lịch hạn chế cung ứng và kinh doanh sản phẩm nhựa dùng một lần; đồng thời chuyển đổi dần sang sử dụng bao bì, vật liệu thân thiện với môi trường.

c) Hỗ trợ quảng bá, đưa các sản phẩm, giải pháp thay thế nhựa thân thiện với môi trường của các doanh nghiệp Hải Phòng vào chương trình xúc tiến

thương mại và các chương trình khuyến mại, kích cầu tiêu dùng bền vững của ngành Công Thương.

d) Phối hợp tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn áp dụng giải pháp sản xuất sạch hơn và giảm thiểu phát thải nhựa trong quá trình sản xuất, đóng gói, phân phối sản phẩm.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai Đề án trong phạm vi ngành du lịch; lồng ghép mục tiêu giảm thiểu sản phẩm nhựa dùng một lần vào các chương trình phát triển du lịch xanh, quản lý điểm đến, xúc tiến du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ.

b) Vận động các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch đăng ký tham gia; phối hợp khảo sát, lựa chọn cơ sở thí điểm bảo đảm tính đại diện, khả năng thực hiện và tác động lan tỏa.

c) Phối hợp xây dựng nội dung hướng dẫn phù hợp với đặc thù của từng loại hình kinh doanh; hỗ trợ điều chỉnh quy trình phục vụ nhằm giảm sản phẩm nhựa dùng một lần nhưng vẫn bảo đảm sự thuận tiện, chất lượng dịch vụ, vệ sinh và trải nghiệm của khách du lịch.

d) Tổ chức truyền thông, quảng bá các cơ sở thực hiện tốt; giới thiệu mô hình trong các chương trình xúc tiến, sự kiện và sản phẩm du lịch của thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp lữ hành kết nối, giới thiệu các cơ sở xanh vào chương trình tham quan, chuyến du lịch và tuyến du lịch.

đ) Phối hợp hướng dẫn cơ sở thuộc phạm vi Bộ Tiêu chí Du lịch Xanh chủ động đăng ký, tự đánh giá, chuẩn bị hồ sơ và tài liệu minh chứng; phối hợp kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực tế và kết nối kết quả mô hình thí điểm với quy trình công nhận theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Bộ tiêu chí Du lịch xanh thành phố Hải Phòng khi cơ sở có nhu cầu và đủ điều kiện; khuyến khích các cơ sở tích cực tham gia các hoạt động đánh giá và công nhận “Cơ sở Xanh - Không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần”.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

a) Chủ trì và phối hợp tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt sâu rộng nội dung mô hình du lịch xanh đến từng cơ sở hội viên và các tầng lớp nhân dân.

b) Giám sát việc thực thi các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp du lịch chuyển đổi xanh của chính quyền địa phương. Theo dõi, kiểm tra trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh tại các điểm tham quan, di tích, khu du lịch trọng điểm trong việc chấp hành quy định không sử dụng nhựa một lần.

c) Phối hợp phát hiện, biểu dương, tuyên truyền và nhân rộng các tập thể, cá nhân, cộng đồng và cơ sở kinh doanh thực hiện tốt; kịp thời phản ánh khó

khẩn, vướng mắc và kiến nghị của đoàn viên, hội viên, Nhân dân đến cơ quan có thẩm quyền.

d) Phối hợp huy động sự tham gia, đóng góp và các nguồn lực hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng để hỗ trợ hoạt động truyền thông, xây dựng mô hình và nhân rộng các sáng kiến giảm chất thải nhựa theo quy định của pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân phường Đồ Sơn và đặc khu Cát Hải

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường khảo sát, lựa chọn 08 cơ sở tham gia thí điểm 04 mô hình tại phường Đồ Sơn và đảo Cát Bà; vận động các cơ sở ký cam kết, cung cấp số liệu, xây dựng kế hoạch chuyển đổi và bố trí nguồn lực để triển khai.

b) Phân công đầu mối phối hợp triển khai; hỗ trợ tổ chức tập huấn, truyền thông, kết nối nhà cung cấp sản phẩm thay thế, đơn vị thu gom, tái sử dụng và tái chế; kịp thời giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình vận hành mô hình.

c) Phối hợp theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thí điểm; tổng hợp số liệu về mức giảm khối lượng nhựa dùng một lần, số chủng loại sản phẩm được loại bỏ, tình hình phân loại chất thải, chi phí thực hiện, cũng như phản hồi từ cơ sở, người lao động và khách du lịch.

d) Trên cơ sở kết quả thí điểm, tham mưu cấp ủy ban hành nghị quyết hoặc văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành kế hoạch, lộ trình và chỉ tiêu thực hiện hằng năm; chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình có liên quan và huy động nguồn lực xã hội hóa để nhân rộng mô hình, bảo đảm hoàn thành mục tiêu đến năm 2030.

đ) Lồng ghép yêu cầu không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần vào hoạt động quản lý khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ, sự kiện và lễ hội trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền, biểu dương và quảng bá các cơ sở thực hiện tốt.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tham mưu cấp ủy ban hành nghị quyết hoặc văn bản lãnh đạo, chỉ đạo; ban hành kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương, trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu hằng năm, lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp, kinh phí và trách nhiệm của các đơn vị liên quan.

b) Rà soát, lập danh sách và đánh giá hiện trạng các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ đồ uống, cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng, cơ sở lưu trú du lịch (trong đó bao gồm cả tàu thủy lưu trú du lịch) và cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm trên địa bàn; phân loại theo loại hình, quy mô và mức độ sẵn sàng để xây dựng lộ trình chuyển đổi phù hợp.

c) Chủ động lập kế hoạch và bố trí nguồn lực theo phân cấp, khả năng cân đối và quyết định của cấp có thẩm quyền để thực hiện mục tiêu đến năm 2030.

d) Chủ động lập dự toán và bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch có liên quan; huy động nguồn lực xã hội hóa, tài trợ hợp pháp và phân đối ứng của các cơ sở kinh doanh để triển khai và duy trì mô hình.

đ) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng quy trình, tiêu chí và biểu mẫu của Đề án; vận động cơ sở đăng ký, ký cam kết, xây dựng kế hoạch chuyển đổi; tổ chức tập huấn, truyền thông và hỗ trợ cơ sở thực hiện các giải pháp giảm, loại bỏ sản phẩm nhựa dùng một lần và phân loại chất thải tại nguồn.

e) Hỗ trợ kết nối cơ sở kinh doanh với nhà cung cấp sản phẩm thay thế, đơn vị thu gom, tái sử dụng và tái chế; từng bước bố trí các điều kiện hỗ trợ cần thiết tại khu, điểm du lịch như điểm tái nạp nước uống, dụng cụ phân loại, điểm thu hồi vật liệu và biển hướng dẫn.

g) Lồng ghép yêu cầu không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần vào hoạt động quản lý khu, điểm du lịch, tổ chức sự kiện, lễ hội và các hoạt động dịch vụ du lịch thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, biểu dương và quảng bá các cơ sở thực hiện tốt.

h) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo lộ trình; theo dõi số cơ sở tham gia, mức giảm nhựa, số chủng loại sản phẩm được loại bỏ và việc duy trì mô hình.

8. Ban quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn thành phố

a) Trực tiếp phổ biến, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong phạm vi quản lý thực hiện đúng các tiêu chí, quy định của Đề án về giảm thiểu và không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần.

b) Tổ chức tuyên truyền, phát động phong trào "Khu du lịch xanh - Không rác thải nhựa"; đặt các bảng biển cảnh báo, hướng dẫn phân loại rác và khuyến khích du khách, người dân không mang rác thải nhựa dùng một lần vào khu, điểm du lịch.

c) Chủ trì bố trí các điểm/thùng thu gom, phân loại rác thải tại nguồn; phối hợp với các đơn vị môi trường đô thị để bảo đảm tần suất thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải kịp thời, không để rác thải tồn đọng trong khu du lịch.

d) Định kỳ rà soát, kiểm tra việc tuân thủ cam kết của các cơ sở kinh doanh; kịp thời nhắc nhở, xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm về phát thải rác nhựa và vệ sinh môi trường.

e) Theo dõi lượng phát sinh rác thải nhựa, đánh giá hiệu quả triển khai mô hình tại khu/điểm du lịch thuộc thẩm quyền quản lý.

9. Các Sở, ban, ngành, tổ chức, hiệp hội có liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao lồng ghép nội dung của Đề án vào các chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý; chủ động phối hợp, hỗ trợ

địa phương trong phát triển nguồn cung sản phẩm thay thế, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng, vệ sinh và an toàn.

b) Truyền thông, vận động doanh nghiệp và cộng đồng tham gia thực hiện Đề án.

c) Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền, thúc đẩy việc thực thi các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, du lịch bền vững và các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh của thành phố và chính quyền địa phương.

d) Khuyến khích, hỗ trợ các hiệp hội du lịch và các tổ chức ngành nghề tham gia, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật, huy động nguồn lực, kết nối chuỗi cung ứng, quảng bá thương hiệu xanh, đẩy mạnh các chương trình truyền thông giảm chất thải nhựa.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời đề xuất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, thực hiện./. 

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Mục V;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Các Phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân

PHỤ LỤC 1:
CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

*(Kèm theo Kế hoạch số **391**./KH-UBND ngày **05** tháng **10** năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	GIAI ĐOẠN 2026-2027: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI 04 MÔ HÌNH TẠI 08 CƠ SỞ THÍ ĐIỂM				
1	Tổ chức thực hiện lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện gói thầu triển khai giai đoạn 1 và 2	Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hợp đồng; kế hoạch kỹ thuật; bộ công cụ và biểu mẫu thống nhất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan.	Quý III-IV/2026
2	Đánh giá, lựa chọn và ký kết cam kết với các cơ sở tham gia thí điểm; Xác định dữ liệu nền, phân tích vòng đời và điểm phát sinh sản phẩm nhựa dùng một lần; Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cho từng cơ sở	08 báo cáo hiện trạng; 08 bộ số liệu nền; danh mục sản phẩm nhựa ưu tiên thay thế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; chính quyền địa phương (Đô Sơn và Cát Bà); 08 cơ sở thí điểm	Quý IV/2026 - Quý I/2027
3	Tập huấn chủ cơ sở và nhân viên	Tối thiểu 02 lớp tập huấn; tài liệu hướng dẫn; danh sách và kết quả đánh giá sau tập huấn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị tư vấn; địa phương; hiệp hội, chuyên gia.	Quý I-II/2027
4	Mua sắm, cấp và hướng dẫn sử dụng gói hỗ trợ vật liệu xanh, bộ nhận diện “Cơ sở xanh, không sử dụng SẢN PHẨM NHỰA DÙNG MỘT LẦN” và tài liệu hướng dẫn phân loại chất thải tại nguồn	08 gói hỗ trợ; 08 bộ nhận diện; tài liệu/tờ rơi được bố trí tại cơ sở.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; địa phương; 08 cơ sở thí điểm.	Quý II/2027
5	Tổ chức vận hành thí điểm mô hình; Theo dõi, đánh giá	- 04 mô hình được vận hành tại 08 cơ sở; hồ sơ, nhật ký và minh chứng thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn/ 08 cơ sở thí điểm	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị tư vấn; địa phương; nhà cung cấp và đơn vị thu gom.	Tối thiểu 60 ngày, Quý II-III/2027

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành
		- Phiếu theo dõi; biên bản kiểm tra; bộ dữ liệu sau thí điểm; báo cáo 60-90 ngày của từng cơ sở.			
6	Tuyên truyền về các mô hình du lịch xanh không rác thải nhựa (truyền thông tại cơ sở thí điểm, địa phương, sự kiện thành phố, quốc gia)	Báo cáo kết quả tọa đàm; các tin bài, hình ảnh đăng trên các phương tiện truyền thông của địa phương	UBND phường Đồ Sơn; UBND Đặc khu Cát Hải	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị tư vấn; cơ sở thí điểm; cơ quan báo chí.	Quý II-III/2027
7	Đánh giá, công nhận kết quả thí điểm theo Bộ tiêu chí; Kết nối đánh giá và công nhận đáp ứng Tiêu chí cơ sở du lịch Xanh	08 hồ sơ đánh giá; kết quả chấm điểm/công nhận;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị tư vấn; địa phương; hiệp hội/chuyên gia.	Quý III-IV/2027
8	Hoàn thiện Bộ tiêu chí - quy trình vận hành mẫu và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho 04 loại hình.	Bộ tiêu chí - quy trình; bộ biểu mẫu kiểm toán, theo dõi và minh chứng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị tư vấn; địa phương; cơ sở thí điểm.	Quý IV/2027
9	Sơ kết giai đoạn thí điểm; xây dựng kế hoạch nhân rộng mô hình.	Báo cáo sơ kết 2026-2027; kế hoạch nhân rộng 2028-2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ngành; địa phương; hiệp hội và doanh nghiệp; đơn vị tư vấn.	Tháng 12/2027
II	GAİI ĐOẠN 2028-2030: TUYÊN TRUYỀN VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH				
10	Dự thảo cơ chế, chính sách khuyến khích giảm, tiến tới không dùng nhựa dùng một lần (theo thẩm quyền hoặc trình UBND thành phố ban hành)	Dự thảo cơ chế, chính sách khuyến khích giảm, tiến tới không dùng nhựa dùng một lần	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; UBND các phường/xã; Các Hiệp hội có liên quan.	Quý I - II/2028
11	Giải pháp và tổ chức thực hiện kế hoạch nhân rộng và kế hoạch truyền thông	Giải pháp nhân rộng và kế hoạch truyền thông	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; UBND các phường/xã; Các Hiệp hội có liên quan.	Quý I - II/2028

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/kết quả chủ yếu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời hạn hoàn thành
12	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và chuyển giao bộ công cụ cho các địa phương, điểm du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch.	Các lớp tập huấn; tài liệu hướng dẫn; danh sách cơ sở được phổ biến và hỗ trợ.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn/ Các địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu; hiệp hội, chuyên gia.	Quý I – Quý II/2028
13	Thiết kế, sản xuất và phổ biến bộ sản phẩm truyền thông “Không nhựa dùng một lần”, video giới thiệu 04 mô hình; đăng tải tin, bài trên phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số.	Bộ sản phẩm truyền thông; 01 video; chuyên mục/tin, bài và nội dung số.	Sở Nông nghiệp và Môi trường / Đơn vị tư vấn	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan báo chí; địa phương; hiệp hội, doanh nghiệp.	2028; duy trì, cập nhật đến 2030
14	Xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch và Phương án triển khai Đề án trên địa bàn	Các Nghị quyết, Kế hoạch và Phương án triển khai Đề án phù hợp với điều kiện địa phương	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương, các Hiệp hội ngành nghề	2028; duy trì, cập nhật đến 2030
15	Tổ chức xây dựng tài liệu truyền thông và tổ chức truyền thông trên các kênh địa phương.	Video, tin, bài	UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các cơ quan truyền thông	Hằng năm, 2028-2030
16	Kiểm tra, giám sát, tổng hợp chỉ số; đánh giá hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội và đề xuất điều chỉnh giải pháp, chính sách.	Báo cáo giám sát và báo cáo kết quả hằng năm; đề xuất điều chỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; địa phương; đơn vị liên quan.	Trước ngày 31/12 hằng năm
17	Tổ chức hội thảo tổng kết; đánh giá kết quả nhân rộng, mức độ hoàn thành mục tiêu; xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề án và đề xuất nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.	Hội thảo tổng kết; Báo cáo tổng hợp Đề án; đề xuất định hướng sau năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; hiệp hội, doanh nghiệp, chuyên gia và cơ quan báo chí; đơn vị tư vấn	Quý IV/2030

PHỤ LỤC 2:**DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

(Kèm theo Kế hoạch số ~~391~~..../KH-UBND ngày ~~05~~ tháng ~~10~~ năm 2026 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	GIAI ĐOẠN 2026-2027: XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI 04 MÔ HÌNH TẠI 08 CƠ SỞ THÍ ĐIỂM				1.991.160.000
1	Điều tra khảo sát lựa chọn cơ sở thực hiện (Tại Cát Bà, Đồ Sơn)	Địa điểm	2	20.400.000	40.800.000
2	Xác định dữ liệu nền, phân tích vòng đời và điểm phát sinh SPNDML; Xây dựng kế hoạch chuyển đổi cho từng cơ sở tham gia thí điểm				222.000.000
-	Báo cáo khảo sát, đánh giá hiện trạng lựa chọn cơ sở, đánh giá thực trạng tại 08 cơ sở thí điểm: chủng loại, khối lượng, đặc điểm, Điểm nóng ô nhiễm phát sinh SPNDML, ...ký cam kết thực hiện	Ngày công 2 CG2	30	2.600.000	78.000.000
-	Báo cáo thiết kế 04 mô hình đổi mới sinh thái thực hiện mô hình thí điểm ở Đồ Sơn	Ngày công 2 CG3	40	1.800.000	72.000.000
-	Báo cáo thiết kế 04 mô hình đổi mới sinh thái cho 04 cơ sở thực hiện mô hình thí điểm ở Cát Bà thuộc đặc khu Cát Hải	Ngày công 2 CG3	40	1.800.000	72.000.000
3	Hỗ trợ và hướng dẫn sử dụng gói hỗ trợ vật liệu xanh, bộ nhận diện “Cơ sở xanh, không sử dụng SPNDML” và tài liệu hướng dẫn phân loại chất thải tại nguồn tại Đồ Sơn, Cát Bà thuộc đặc khu Cát Hải	2 địa điểm	2	490.000.000	980.000.000
3.1	Hỗ trợ vật tư, thiết bị thay thế SPNDML, bộ nhận diện, lắp đặt vận chuyển...triển khai thí điểm mô hình mẫu cho cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà hàng				110.000.000
3.2	Hỗ trợ vật tư, thiết bị thay thế SPNDML, bộ nhận diện, lắp đặt vận chuyển...triển khai thí điểm mô hình mẫu cho Cơ sở lưu trú du lịch				240.000.000
3.3	Hỗ trợ vật tư, thiết bị thay thế SPNDML, bộ nhận diện, lắp đặt vận chuyển...triển khai thí điểm mô hình mẫu cho Cơ sở kinh doanh dịch vụ đồ uống				98.000.000

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3.4	Hỗ trợ vật tư, thiết bị thay thế SPNDML, bộ nhận diện, lắp đặt vận chuyển...triển khai thí điểm mô hình mẫu cho Cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm.				42.000.000
4	Áp dụng hướng dẫn thực hiện, triển khai 08 mô hình Đổi mới sinh thái tại 08 cơ sở tại Đồ Sơn và Cát Bà thuộc đặc khu Cát Hải				307.200.000
4.1	Báo cáo xây dựng kế hoạch triển khai 08 mô hình Đổi mới sinh thái không sử dụng nhựa dùng một lần tại Đồ Sơn (mục tiêu, phương án, xây dựng kế hoạch, nhân sự, đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và thống nhất với cơ sở về lộ trình áp dụng; phương án áp dụng thí điểm và theo dõi đánh giá, phân công trách nhiệm, phối hợp thực hiện	Ngày công nhóm 1	10	6.200.000	62.000.000
4.2	Đào tạo tập huấn Hướng dẫn thực hiện tại cơ sở dịch vụ tham gia thí điểm tại Đồ Sơn, Cát Bà	Ngày/địa điểm	2	42.600.000	85.200.000
4.3	Giám sát, hướng dẫn, đo lường, đánh giá kết quả thực hiện trước - sau thí điểm				160.000.000
5	Tuyên truyền về các mô hình du lịch xanh không rác thải nhựa (truyền thông tại cơ sở thí điểm, địa phương, sự kiện thành phố, quốc gia); Chiến dịch truyền thông tại địa phương				200.960.000
5.1	Tổ chức tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thuận lợi, khó khăn vướng mắc tại các cơ sở thực hiện thí điểm (2 địa điểm Đồ Sơn, Cát Bà)	Địa điểm	2	44.280.000	88.560.000
5.2	Thiết kế bài, tin, hình ảnh đăng trên các phương tiện truyền thông của địa phương (20 gói)	Ngày công 3 CG3	12	2.700.000	32.400.000
5.3	Xây dựng nội dung và triển khai thực hiện chiến dịch “Không nhựa dùng một lần” tại 02 lần*2 địa phương	Chiến dịch	4	20.000.000	80.000.000
6	Báo cáo kết quả tọa đàm; các tin bài, hình ảnh đăng trên các phương tiện truyền thông của địa phương	Ngày công CG3	26	900.000	23.400.000
7	Báo cáo kết quả triển khai thí điểm 08 tại cơ sở tại Đồ Sơn và Cát Bà thuộc đặc khu Cát Hải: Phân tích, đánh giá hiệu quả mô hình; tính khả thi về quy trình vận hành; Sự thay đổi hành vi của khách hàng; Tính toán chi phí, lợi ích khi áp dụng các giải pháp thay thế; Đánh giá quy trình quản lý chất thải/chất thải nhựa của cơ sở trong quá trình áp dụng thí điểm; đề xuất giải pháp	Ngày công nhóm 1	8	6.200.000	49.600.000

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Đánh giá, công nhận kết quả thí điểm theo Bộ tiêu chí; Kết nối đánh giá và công nhận đáp ứng Tiêu chí cơ sở du lịch Xanh	Ngày công nhóm 2	16	3.700.000	59.200.000
9	Hoàn thiện Bộ tiêu chí - quy trình vận hành mẫu và tài liệu hướng dẫn áp dụng cho 04 loại hình.	Ngày công CG1	15	1.800.000	54.000.000
10	Báo cáo sơ kết 2026-2027; kế hoạch nhân rộng 2028-2030.	Ngày công CG1	15	1.800.000	54.000.000
II	GIAI ĐOẠN 2028-2030: TUYÊN TRUYỀN VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH				1.248.160.000
1	Dự thảo cơ chế, chính sách khuyến khích giảm, tiến tới không dùng nhựa dùng một lần	Công nhóm 1	15	6.200.000	93.000.000
2	Giải pháp và tổ chức thực hiện kế hoạch nhân rộng và kế hoạch truyền thông	Ngày công 2 CG2	20	2.600.000	52.000.000
3	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật và chuyển giao bộ công cụ cho các địa phương, điểm du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch (8 địa điểm)	2 buổi/địa điểm	8	52.540.000	420.320.000
4	Thiết kế, sản xuất và phổ biến bộ sản phẩm truyền thông “Không nhựa dùng một lần”, video giới thiệu 04 mô hình; đăng tải tin, bài trên phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số.				320.000.000
4.1	Sản xuất bản thảo, biên tập tin ngắn đăng trên các trang đài phát thanh Hải Phòng và 05 nền tảng báo, tạp chí, trang xã hội theo	Tin	40	4.000.000	160.000.000
4.2	Tin/tiêu điểm (dạng video: chi phí hiện trường, phỏng vấn, biên tập, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, nhạc nền, đăng tin..)	Tin	10	10.000.000	100.000.000
4.3	Video clip thực hiện mô hình tiêu biểu về không sử dụng chất thải nhựa 1 lần, biên tập, sản xuất, phát sóng 1 video clip có thời lượng 10 phút đăng trên 05 nền tảng báo, tạp chí, trang xã hội theo dõi cập nhật phản hồi, tương tác tin đăng.	Chương trình	1	60.000.000	60.000.000
5	Xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch và Phương án triển khai Đề án trên địa bàn	Ngày công CG1	55	1.800.000	99.000.000
6	Kiểm tra, giám sát, tổng hợp chỉ số; đánh giá hiệu quả môi trường, kinh tế, xã hội và đề xuất điều chỉnh giải pháp, chính sách.				130.200.000

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Báo cáo giám sát và báo cáo kết quả năm 2028; đề xuất điều chỉnh.	Công nhóm 1	7	6.200.000	43.400.000
	Báo cáo giám sát và báo cáo kết quả năm 2029; đề xuất điều chỉnh.	Công nhóm 1	7	6.200.000	43.400.000
	Báo cáo giám sát và báo cáo kết quả năm 2030; đề xuất điều chỉnh.	Công nhóm 1	7	6.200.000	43.400.000
7	Tổ chức hội thảo tổng kết; đánh giá kết quả nhân rộng, mức độ hoàn thành mục tiêu; xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện Đề án và đề xuất nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.				133.640.000
7.1	Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả nhân rộng, mức độ hoàn thành mục tiêu				59.640.000
7.2	Báo cáo tổng hợp Đề án; đề xuất định hướng sau năm 2030	Công nhóm 2	20	3.700.000	74.000.000
III	Chi khác				62.680.000
1	Chi phí hợp nghiệm thu				14.440.000
2	Chi phí tư vấn				5.000.000
3	Chi khác (Phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, ...)				43.240.000
Tổng (I + II + III)(*)					3.302.000.000

(*) Là nguồn kinh phí lấy từ ngân sách nhà nước phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường - đơn vị chủ trì triển khai Đề án.